

Bản án số: **67/2018/HS-PT**

Ngày: 26-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Bà **Cao Thị Huyền**

Ông **Đinh Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **42/2018/HS-PT** ngày 05 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn T** và **Lê Tự Q**. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **83/2017/HS-ST** ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Văn T** (tên gọi khác: **U**), sinh năm 1998 tại B, Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố N, phường A, thị xã B, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn V**, sinh năm 1954 và bà **Phạm Thị Ánh H**, sinh năm 1960; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Tự Q** (tên gọi khác: **C**), sinh năm 1999 tại B, Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn N1, xã N2, thị xã B, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Tự B1**, sinh năm 1972 và bà **Võ Thị Th**, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 19 giờ 20 phút ngày 03/7/2017, Công an thị xã B phối hợp với Công an xã Tr tuần tra trên tuyến đường 33 thuộc địa phận xã Tr, thị xã B phát hiện hai đối tượng là Trần Anh V1 và Phạm Hồng R có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, thu giữ trên người Trần Anh V1 có 01 gói ni lông kích thước (1x2)cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bên trong có số sim 01226412611, 01 xe mô tô BKS 92S2-5340. Qua đấu tranh, Trần Anh V1 khai nhận đây là gói ma túy đá mà V1 và R mới mua của Trần Văn T tại quán sửa xe Lê Tự B2 tại thôn Q1, xã Tr, thị xã B.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B bắt khẩn cấp đối với Trần Văn T và thu giữ trên người của T 01 túi ni lông kích thước khoảng (4x8)cm bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, số tiền 5.480.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu TK Mobile màu đỏ đen (bên trong có số sim 0905621241), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng. Tiến hành khám xét tại quán sửa xe của Lê Tự B2 thu giữ 01 túi ni lông màu trắng kích thước (4x6)cm bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 hộp giấy bên trong có 01 ống hút màu vàng trắng, 01 ống hút màu đen, 02 ống hút dài 3cm cắt nhọn một đầu, 01 nõ thủy tinh được cắm vào nắp chai nhựa, 01 ống thủy tinh dài 15cm, 01 quạt ga màu xanh, 07 túi nhựa dẻo kích thước khác nhau được hàn 02 mép, 01 kẹp banh, 01 bao ni lông màu hồng bên trong có nhiều túi nhựa kích thước (4x8)cm, 01 miếng nhựa dẻo lớn được cuộn tròn, 05 miếng nhựa dẻo nhỏ kích thước khác nhau được hàn lửa một mép, 01 kéo sắt nhỏ, 01 bao ni lông bên trong có nhiều ống hút màu đen, 01 bao thuốc con ngựa bên trong có 02 túi nhựa kích thước (4x8)cm.

Trần Văn T khai nhận: Để có ma túy sử dụng và bán lại cho các con nghiện, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2017 đến ngày 03/7/2017, T đã 03 lần mua ma túy của đối tượng tên T2 (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực cánh đồng trồng thuộc xã P, huyện V2, thành phố N3 với số tiền là 3.000.000 đồng (mỗi lần mua là 1.000.000 đồng). Sau khi mua ma túy, T mang về sang chiết ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán lại, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào trưa ngày 28/6/2017, Phạm Công V3 - Sinh năm 1995, trú tại T2, H1, B dùng điện thoại có số sim 0905.807.954 điện thoại cho Trần Văn T có sim số 0905.621.241 hỏi mua ma túy với số tiền là 300.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn V3 đến gần khu vực Bệnh viện Đ (phường Tr, thị xã B) để giao dịch. Khi đến điểm hẹn thì V3 không gặp T nên V3 điện thoại cho T thì nói đến gần nhà T để giao dịch. Khi đến nơi V3 đưa T số tiền 300.000 đồng thì T đưa cho V3 01 gói ma túy đá, V3 mang số ma túy trên về sử dụng hết.

Lần 2: Cách ngày bị bắt khoảng 02 tuần, Phạm Công V3 rủ Lê Trung Q3 đi mua ma túy về sử dụng thì Q3 đồng ý. Lúc này, V3 dùng điện thoại có số sim 0905.807.954 điện thoại cho Trần Văn T có sim số 0905.621.241 để mua ma túy với

số tiền là 300.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn đến gần nhà nghỉ M (xã B3, thị xã B) để giao dịch. Khi đến nơi hẹn V3 đưa cho T số tiền 300.000 đồng rồi T đưa cho V3 01 gói ma túy.

Lần 3: Vào chiều ngày 03/7/2017, Lê Tự Q đến nhà Trần Văn T rủ T đi chơi, khi đang đi cùng nhau thì Nguyễn Thị D (sinh năm 1992, nơi đăng ký HKTT thôn L, xã N4, thành phố T3, tỉnh H2), hiện trú tại khối phố Nh, phường A, thị xã B mượn điện thoại của bạn (không rõ số sim bao nhiêu) điện thoại cho T để mua ma túy với số tiền 400.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn D đến khu vực gần quán Karaoke Z2 (cạnh bến xe Bắc Quảng Nam) để giao dịch. Lúc này, T lấy trong người của mình ra 02 gói ma túy đá đưa cho Q cất giữ. Một lúc sau, Phạm Công V3 (sinh năm 1995, trú T2, xã H1, thị xã B) điện thoại cho T để mua ma túy với giá 300.000 đồng thì T đồng ý và hẹn V3 đến gần quán Karaoke Z2 để giao dịch. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T và Q đến điểm hẹn để bán ma túy thì gặp D, T nói Q đưa cho D 01 gói ma túy rồi D đưa cho Q 400.000 đồng. Sau khi bán ma túy cho D xong thì Phạm Công V3 cũng vừa đến, V3 đưa T tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi T lấy tiền vừa bán ma túy cho D thối lại cho V3 200.000 đồng và nói Q đưa gói ma túy còn lại cho V3, V3 mang ma túy về sử dụng.

Lần 4: Khoảng 19 giờ ngày 03/7/2017, Trần Anh V1 dùng sim số 01226412611 điện thoại cho T để mua ma túy với số tiền 300.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn V1 đến quán sửa xe B2 để giao dịch. Trần Anh V1 đến quán sửa xe B2 gặp T lấy gói ma túy, trên đường mang ma túy về sử dụng thì bị tổ công tác Công an thị xã B kiểm tra, thu giữ.

Ngoài ra, Trần Văn T khai nhận đã 02 lần đưa ma túy đá cho Lê Tự Q đi bán cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tối cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày, T và Q đang ở tại quán sửa xe của Lê Tự B2 thì có 01 thanh niên (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T để mua ma túy với số tiền 300.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn đến ngã tư gần quán sửa xe B2 để giao dịch. Lúc này, T bỏ gói ma túy vào gói thuốc con ngựa và đưa cho Q đi giao dịch, Q đi ra ngã tư gần đó thấy có đôi nam nữ đang ngồi trên xe mô tô thì Q đưa gói ma túy cho đôi nam nữ và nhận số tiền 300.000 đồng mang về đưa cho T.

Lần 2: Vào tối cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, T và Q đang ở tại quán sửa xe Lê Tự B2 có một thanh niên (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T để mua ma túy với số tiền 300.000 đồng thì T đồng ý bán và hẹn đến ngã tư gần quán sửa xe của B2 để giao dịch. Tâm bỏ gói ma túy vào gói thuốc con ngựa và đưa cho Q đi giao dịch, Q đi ra ngã tư gần đó thấy có ba thanh niên đang ngồi trên xe mô tô rồi Q đưa gói ma túy cho người ngồi sau cùng và nhận số tiền 300.000 đồng mang về đưa cho T.

Lê Tự Q khai nhận: Để có ma túy sử dụng nên Q đã giúp cho Trần Văn T nhiều lần mua bán trái phép ma túy, do Lê Tự B2 là anh ruột của Q nên T và Q

thường xuyên lui tới quán sửa xe của Lê TỰ B2 để giao dịch ma túy. Lời khai của Q phù hợp với lời khai của Trần Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B rút một phần nội dung Cáo trạng, không truy tố 2 lần T nhờ Q bán ma túy, do chưa xác định được đối tượng mua ma túy để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Theo kết luận giám định số 450/C54C(Đ4) ngày 10/7/2017 Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng kết luận:

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong 01 gói ni lông được niêm phong trong phong bì (thu của Trần Anh V1) là Methamphetamine có trọng lượng là 0,119 gam;

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong 01 gói ni lông được niêm phong trong phong bì (thu trong người của Trần Văn T) là Methamphetamine có trọng lượng là 0,101 gam;

- Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong 01 gói ni lông được niêm phong trong phong bì (thu khi khám xét tại quán sửa xe Lê TỰ B2) là Methamphetamine có trọng lượng là 0,937 gam.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số **83/2017/HS-ST** ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Lê TỰ Q phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 04** (Bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 03/7/2017).

- Xử phạt: Bị cáo **Lê TỰ Q 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 05/7/2017).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 09/01/2018, các bị cáo Trần Văn T, Lê TỰ Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hành vi nhiều lần mua và bán trái phép chất ma túy nên các bị cáo bị kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ xử phạt các bị cáo Trần Văn T 04 năm tù và Lê TỰ Q 03 năm 06 tháng tù là phù hợp và không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới;

đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q có đơn kháng cáo xin giảm về hình phạt, đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định khoa học hình sự và các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có ma túy sử dụng và có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2017 đến ngày 03/7/2017, bị cáo Trần Văn T đã 03 lần mua ma túy của một đối tượng tên T2 (không rõ lai lịch, địa chỉ) mang về chia ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác, trong đó bị cáo T trực tiếp bán 03 lần thu được số tiền 900.000 đồng và cùng với bị cáo Lê Tự Q bán 02 lần thu được số tiền 700.000 đồng nên bản án hình sự sơ thẩm số **83/2017/HS-ST** ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Nam đã kết án các bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ xử phạt Trần Văn T 04 năm tù và Lê Tự Q 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, mức án thấp dưới khung hình phạt mà điều luật quy định, đã có nhiều xem xét, khoan hồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 1.600.000 đồng, cung cấp giấy ra viện do điều trị bệnh Hen phế quản; bị cáo Lê Tự Q cung cấp giấy xác nhận bà nội là người có công với nước; nhưng xét các quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt là có căn cứ pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 04** (Bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 03/7/2017).

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Tự Q 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 05/7/2017).

Các bị cáo đều bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2/ Các bị cáo Trần Văn T, Lê Tự Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 26/3/2018.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thế Cẩm

